

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc:	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán:	5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2785/QĐ – UBND ngày 01/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001948 ngày 01/06/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng chuẩn y tại các đăng ký thay đổi từ lần 1 đến lần 3 ngày 14/07/2008.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| - Ông Trần Văn Huyền | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Bà Trần Thị Oanh | Phó chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Bùi Quang Hưng | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Nguyễn Văn Vê | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Bà Nguyễn Thị Phương Hoa | Ủy viên Hội đồng quản trị |

Thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | |
|----------------------|----------------|
| - Ông Trần Văn Huyền | Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Vê | Phó giám đốc |
| - Bà Trần Thị Oanh | Kế toán trưởng |

3. Cơ cấu của Công ty

Công ty có trụ sở chính tại số 71 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng và các đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Hiệu thuốc Hải Phòng	Số 17 Lương Khánh Thiện, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Hiệu thuốc Thủy Nguyên	Số 1 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Hiệu thuốc An Lão	Số 13 đường Trần Tất Văn, thị trấn An Lão, huyện An Lão, Hải Phòng.
- Tổ sản xuất thuốc thông thường	60 Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- Hiệu thuốc Kiên Thụy	Số 19 Thọ Xuân, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiên Thụy, Hải Phòng
- Hiệu thuốc Kiến An	230 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, Hải Phòng
- Chi nhánh Hà Nội	Số 1 ngách 7/10, ngõ 7 Thái Hà, Phường Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

4. Các hoạt động chính của công ty

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010, các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dược phẩm, hóa chất, sinh hóa phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, vật tư;
- Kinh doanh kính mắt và các đồ dùng gia đình và cá nhân;
- Kinh doanh vắc xin;

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 71 Điện Biên Phủ - Hồng Bàng - Hải Phòng

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam đã được lựa chọn là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố, giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trần Văn Huyền

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG.**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo báo cáo tài chính được lập ngày 21/05/2010, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính 25% trên toàn bộ thu nhập khác chịu thuế, không bù trừ đi các khoản thu nhập từ lãi tiền gửi với lãi tiền vay theo Công văn 7250/BTC – TCT ngày 07/06/2010. Do vậy, số dư thuế TNDN phải nộp ít hơn so với số thực tế phải nộp theo qui định là 131.111.166 VND. Báo cáo tài chính được lập lại này nhằm điều chỉnh sai sót trên.

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam

Mai Lan Phương

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ.0077/KTV

Bùi Văn Vương

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0780/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		172.422.200.698	146.715.024.661
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		44.034.675.499	49.795.929.272
1. Tiền	111	V.01	26.534.675.499	49.795.929.272
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.877.068.917	70.176.987.410
1. Phải thu khách hàng	131		100.347.560.607	69.737.562.305
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	637.519.255	531.477.944
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(108.010.945)	(92.052.839)
IV. Hàng tồn kho	140		25.139.713.068	25.666.271.874
1. Hàng tồn kho	141	V.03	25.139.713.068	25.666.271.874
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.370.743.214	1.075.836.105
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		203.346.928	125.536.057
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		934.716.074	39.692.087
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.232.680.212	816.732.144
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.773.771.443	18.074.669.325
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	250.401.226
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.834.422.784	17.776.230.954
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	15.834.422.784	9.639.956.530
- Nguyên giá	222		35.629.299.980	23.830.343.155
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.794.877.196)	(14.190.386.625)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.05	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	-	-
- Nguyên giá	228		54.600.000	54.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(54.600.000)	(54.600.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	-	8.136.274.424
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.900.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	5.900.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		39.348.659	48.037.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	39.348.659	48.037.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194.195.972.141	164.789.693.986

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Tiếp theo)		Đơn vị tính: VNĐ		
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		149.127.716.229	132.960.647.360
I. Nợ ngắn hạn	310		125.647.697.794	107.627.168.939
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	7.669.200.000	7.449.200.000
2. Phải trả người bán	312		113.168.984.034	97.452.082.911
3. Người mua trả tiền trước	313		-	39.055.026
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.088.159.287	1.524.404.208
5. Phải trả người lao động	315		158.488.900	6.207.561
6. Chi phí phải trả	316	V.12	30.517.775	16.318.884
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	2.532.347.798	1.139.900.349
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.480.018.435	25.333.478.421
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		6.309.226.941	7.109.179.756
3. Phải trả dài hạn khác	333		680.902.960	689.702.960
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	11.487.000.000	13.995.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.187.118.636	894.098.317
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	338		3.815.769.898	2.645.497.388
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.068.255.912	31.829.046.626
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	45.068.255.912	31.829.046.626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	18.420.680.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.055.897.883	2.803.206.683
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.037.811.696	7.195.962.860
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.176.101.359	1.598.884.682
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.606.640.991	829.091.290
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.191.803.982	981.221.111
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.195.972.141	164.789.693.986

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại				-
<i>Tiền USD</i>				
<i>Tiền UER</i>				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Trần Văn Huyền**Giám Đốc***Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2011***Trần Thị Oanh****Kế toán Trưởng****Trần Anh Tuấn****Người lập biểu**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	452.443.674.104	392.881.552.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17	4.447.734.464	2.832.247.667
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.18	447.995.939.640	390.049.304.579
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	399.453.113.172	348.550.716.705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.542.826.468	41.498.587.874
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	3.013.167.844	1.838.074.540
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	2.166.531.779	1.812.406.143
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.370.895.334	1.453.586.000
8. Chi phí bán hàng	24		7.674.336.158	6.730.134.768
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.071.072.698	22.348.653.764
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.644.053.677	12.445.467.739
11. Thu nhập khác	31		-	179.369.657
12. Chi phí khác	32		4.138.284	13.808.692
13. Lợi nhuận khác	40		(4.138.284)	165.560.965
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.639.915.393	12.611.028.704
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	2.520.327.236	1.832.938.887
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.119.588.157	10.778.089.818
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		8.060	5.851

Trần Văn Huyền

Giám Đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Trần Thị Oanh

Kế toán Trưởng

Trần Anh Tuấn

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo Phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Đơn vị tính: VND				
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		449.766.938.942	387.037.466.547
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(421.677.764.971)	(355.409.080.719)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.316.644.911)	(18.030.104.163)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.067.753.596)	(1.266.945.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.982.938.887)	(720.180.390)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		117.517.647.041	67.548.684.481
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(127.067.536.897)	(57.147.314.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.828.053.278)	22.012.526.095
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.484.711.694)	(7.476.208.389)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	168.377.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.484.711.694)	(7.307.830.844)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.832.011.200	3.967.988.800
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		868.000.000	5.778.800.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.208.000.000)	(3.778.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(940.500.000)	(2.181.250.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(448.488.800)	3.787.538.020
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.761.253.773)	18.492.233.271
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49.795.929.272	31.303.696.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	44.034.675.500	49.795.929.272

Trần Văn Huyền
Giám Đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Trần Thị Oanh
Kế toán Trưởng

Trần Anh Tuấn
Người lập biểu